

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2023
Về việc Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiểm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Thịnh Tuyên và ông Trần Tô Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 14/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh M, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Xóm L, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị T, sinh năm: 1994. Nơi ĐKKHTT: Xóm L, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện nay: Xóm N. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn - anh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 26/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã , huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn, anh và chị T hoàn toàn tự nguyện, hai bên gia đình nhất trí và tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ đẻ anh M tại xóm L, xã Đ, huyện Đ1,

tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, khoảng vài năm sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị T sau khi đi làm công nhân không quan tâm đến cuộc sống gia đình, chồng, con, thường tỏ thái độ coi thường, không tôn trọng anh, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau, từ đó anh cảm thấy cuộc sống chung không còn hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2022, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn không còn, anh kiên quyết xin được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là K, sinh ngày 28/8/2015 và C, sinh ngày 16/11/2017. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc con chung là C đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đề nghị chị T trực tiếp chăm sóc con chung là K đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con, anh M tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con C.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh M xác định vợ chồng không có.

Chị T vắng mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị T xác định quá trình kết hôn như anh M trình bày là đúng, chị và anh M đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/01/2015, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh M tại Xóm L, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hoà thuận bình thường, vài năm trở lại đây vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là khi chị đi làm công nhân ở xa, anh M ghen tuông vô cớ, không có lý do. Khi chị giải thích thì anh không nghe, vì vậy, vợ chồng thường xảy ra to tiếng, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, chị đã trở về nhà sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị tại xóm N. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M, đồng ý ly hôn.

Về con chung, chị T xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là K, sinh ngày 28/8/2015 và C, sinh ngày 16/11/2017. Cháu K hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu C hiện anh M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng ý để anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung C đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh M tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung C, chị đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do bị đơn vắng mặt không có lý do, không tiến hành hoà giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh M giữ nguyên quan điểm giải quyết về việc ly hôn, nuôi con, nợ chung như đã nêu trên.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng, việc cấp, giao, tổng đạt văn bản tố tụng, việc thu thập tài liệu chứng cứ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn: Chấp hành không đầy đủ quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh M và chị T. Về con chung: Giao con chung là C, sinh ngày 16/11/2017 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi trưởng thành. Giao con chung là K, sinh ngày 28/8/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh M và chị T do cả hai bên tự nguyện không yêu cầu. Về án phí: Anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn có nơi cư trú tại huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Định Hóa đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh, lấy lời khai của đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, có sự tham gia của Viện

kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

- Về nội dung yêu cầu xin ly hôn của anh M, xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, anh M và chị T đều xác định quá trình chung sống vợ chồng thường bất đồng về quan điểm từ đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng, xúc phạm nhau, không tôn trọng nhau, mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng kéo dài. Từ năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị T đồng ý ly hôn với anh M, đồng ý với yêu cầu nuôi con chung, của anh M, tuy nhiên, chị T không đến Toà án tham gia phiên hoà giải, đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Vì vậy, cần cho ly hôn giữa anh M và chị T.

- Về con chung: Anh M và chị T có 02 con chung là K, sinh ngày 28/8/2015 và C, sinh ngày 16/11/2017. Anh M và chị T đều xác định khi vợ chồng ly hôn, anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung C, chị T trực tiếp chăm sóc con chung K cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Cả anh M và chị T đều không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình *“Vợ chồng thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Xét yêu cầu nuôi con của anh M và chị T, thấy: Con chung C hiện nay đang sống cùng với anh M tại xóm Làng Quặng, xã Định Biên, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, con chung K hiện đang sống cùng với chị T ở xóm N. Nguyện vọng của cháu Khôi là được ở cùng mẹ khi anh M, chị T ly hôn. Anh M và chị T đều nhất trí khi ly hôn, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con K, anh M trực tiếp nuôi dưỡng con C. Xét thấy, anh M và chị T đều có nơi ở ổn định, thống nhất về việc nuôi con chung. Vì vậy, giao con chung là C cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi trưởng thành, giao con chung K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi trưởng thành là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc cấp dưỡng, theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh M và chị T mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và đều không yêu cầu bên nào cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh M và chị T là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh M và chị T.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.
- Về án phí: Anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các điều 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh M và chị T.

2. Về con chung: Giao con chung là C, sinh ngày 16/11/2017 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi trưởng thành; giao con chung là K, sinh ngày 28/8/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi trưởng thành. Anh M và chị T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh M và chị T do cả hai bên tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Anh M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004734 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Văn Kiểm